

# Trang Nhà Quảng Đức



## Mật Tông

### THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Tôn này có tên Phạn là EKADA'SA MUKHA AVALOKITE'SVARA (琺乙叻在觜刀向吐丁包鄣先), dịch âm là Ế Ca Na Xà Mục Khư A Phộc Lộ Chỉ Đế Thấp Phộc La. Dịch nghĩa là Thập Nhất Diện Quán Tự Tại, Thập Nhất Diện Quán Thế Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm. Cầu đảo Tôn này có thể trừ bệnh diệt tội.

\_ Theo truyền thống của Bà La Môn Giáo ở Ấn Độ thì Tôn này là Thập Nhất Hoang Thần (Ekada'sa Rudra). Vào khoảng Thế Kỷ thứ 5, thứ 6 sau Công Nguyên thì Tôn này được du nhập vào Phật Giáo dưới hình thức là một Hóa Thân của Bồ Tát Quán Tự Tại

\_ Theo truyền thống của Phật Giáo Tây Tạng:

Ở vô lượng kiếp trước, với Tâm Đại Bi vô hạn, Quán Thế Âm Bồ Tát muốn cứu thoát tất cả chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử luân hồi, nên đối trước chư Phật 10 phương, Ngài phát nguyện rằng: **"Nguyện cho con cứu được tất cả chúng Hữu Tình. Nếu có khi nào con mệt mỏi trong công việc lớn lao này thì nguyện cho thân con tan thành ngàn mảnh"**

Thoạt tiên Ngài xuống cõi Địa Ngục, sau đó đến cõi Nga Quỷ và tiến dần đến cõi Trời. Tại đây, Ngài nhìn xuống Thế Giới đau khổ với cái nhìn thấu hiểu của Thánh Trí thì Tâm Ngài bị xúc động sâu sắc. Vì mặc dù Ngài đã cứu nhiều chúng sinh thoát khỏi Địa Ngục nhưng vẫn còn có vô số chúng sinh khác đang sa vào. Điều này làm Ngài buồn rầu vô hạn. Trong một lúc, gần như Ngài đã mất niềm tin vào lời nguyện vĩ đại mà Ngài đã tuyên thệ và thân thể Ngài liền nổ tung thành ngàn mảnh. Giữa cơn tuyệt vọng, Ngài cầu cứu tất cả chư Phật. Ngay lập tức, hằng hà sa số chư Phật từ 10 phương đều hiện thân đến cứu giúp. Với Thần Lực nhiệm màu, chư Phật làm cho Ngài hiện trở lại toàn thân và từ đấy Ngài có 11 cái đầu, 1000 cánh tay, trên mỗi bàn tay có một con mắt. Sự kiện này biểu thị cho sự phối hợp giữa Trí Tuệ và phương tiện thiện xảo, là dấu hiệu của Tâm Đại Bi chân thật. Trong hình thức này, Ngài đã sáng chói rực rỡ và có nhiều năng lực lớn hơn để cứu giúp chúng sinh. Do vậy Ngài còn có tên gọi là Thiên Thủ Thiên Nhân Thập Nhất Diện Quán Thế Âm.

Trong truyền thống này thì Ngài có thân màu trắng. 11 mặt xếp thành 5 tầng:

3 mặt của tầng một có mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh lục, mặt bên trái màu đỏ

3 mặt của tầng thứ hai có mặt chính giữa màu xanh lục, mặt bên phải màu đỏ, mặt bên trái màu trắng

3 mặt của tầng thứ ba có mặt chính giữa màu đỏ, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lục. Tất cả khuôn mặt đều có mắt dài và nhỏ như đang mỉm cười

1 mặt của tầng thứ tư là khuôn mặt màu đen biểu lộ sự phẫn nộ, miệng lộ răng nanh, có 3 mắt và tóc màu cam dựng đứng

1 mặt của tầng thứ năm là khuôn mặt hiền hòa màu đỏ đội vương miện

2 tay đầu tiên chấp lại trước ngực cầm viên ngọc báu





. ) **Thập Nhất Diện Thân Chú Tâm Kinh** ghi nhận rằng :

Tôn Tượng có 11 mặt , 4 tay. Bên phải : Tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai kết Thí Vô Úy Ấn. Bên trái : Tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.

11 mặt gồm có : 3 mặt ngay phía trước có tướng tịch tĩnh ( hay từ bi ), 3 mặt bên trái có tướng uy nộ, 3 mặt bên phải có tướng lộ răng nanh bén, 1 mặt phía sau có tướng cười giận, 1 mặt bên trên có tướng Như Lai ( 1 Hóa Phật của A Di Đà Phật )

Trong mỗi đầu đều có vị Hóa Phật. Thân tượng có mọi loại anh lạc trang nghiêm

. ) **Đà La Ni Tập Kinh**, một vài Kinh do Ngài Huyền Trang dịch và hình tượng lưu bố trong nhân gian thì Thập Nhất Diện Quán Thế Âm có 11 mặt và 2 tay với tay bên phải cầm Pháp Khí ( hoặc cầm bình Quân Trì với hoa sen ) , tay bên trái cầm tích trượng



( hoặc đeo tràng hạt và kết Dữ Nguyện Ấn )

. ) Một số Đạo Sư Mật Giáo lại nhận định rằng : Thập Nhất Diện Quán Âm là vị Hóa Tôn của Tu La Đạo, có biệt danh là Đại Quang Phổ Chiếu Quán Thế Âm và Mật Hiệu là Từ Mẫn Kim Cương ( hoặc Từ Oán Kim Cương )

## Ý NGHĨA CỦA 11 MẶT

Ý nghĩa của 11 mặt được nhận định theo nhiều cách khác nhau

\_ **Thập Nhất Diện Thân Chú Tâm Kinh Nghĩa Sở** ghi là :

3 mặt phía trước có tướng hiền lành (Từ) biểu thị cho việc nhìn thấy chúng sinh hiền thiện mà sinh tâm Từ. Đại Từ là ban vui

3 mặt bên trái có tướng giận dữ biểu thị cho sự nhìn thấy chúng sinh ác mà sinh tâm Bi . Đại Bi là cứu khổ

3 mặt bên phải có tướng lộ răng trắng biểu thị cho sự nhìn thấy kẻ có Tịnh Nghiệp liền phát lời khen **Hiếm có** , siêng năng tinh tiến trong Phật Đạo

1 mặt phía sau có tướng Bạo Đại Tiểu biểu thị cho sự nhìn thấy chúng sinh có Thiện Ác Tạp Uế mà sinh nộ cười quái dị, sửa ác hướng theo Đạo

1 mặt bên trên có tướng Như Lai biểu thị cho sự mãn túc Nguyên.

\_ **Tiên Phòng** ghi nhận là :

11 mặt là 10 Địa và Phật Quả, mỗi một thứ đều có 1 mặt.

10 Địa là viên mãn 10 Ba La Mật.

\_ **Dã Quyết** ghi nhận là :

11 mặt là 11 Địa ( Hoan Hỷ Địa, Ly Cấu Địa, Phát Quang Địa, Diệu Tuệ Địa, Nan Thắng Địa, Hiện Tiền Địa, Viễn Hành Địa, Bất Động Địa, Thiện Tuệ Địa, Pháp Vân Địa, Phật Địa ) biểu thị cho 11 phẩm Vô Minh, lại thêm mặt gốc biểu thị cho 12 phẩm Vô Minh. Hoặc nói là : Độ 12 nhân Duyên

3 mặt phía trước có tướng Tịch Tĩnh biểu thị cho nghĩa: xưa nay vốn tịch lặng của Đông Phương Bất Động Phật

3 mặt bên trái có tướng phần nộ biểu thị cho nghĩa : giáng phục của Nam Phương Bình Đẳng Tính Trí

3 mặt bên phải có tướng lộ nanh bén biểu thị cho nghĩa : nói Pháp của Tây Phương Diệu Quán Sát Trí

1 mặt phía sau có tướng cười giận biểu thị cho Bắc Phương Sự Nghiệp Trí

1 mặt trên cùng có tướng Phật biểu thị cho Bất Nhị Pháp Giới Thế Tính Trí

\_ **Khẩu Quyết** ghi nhận là :

3 mặt phía trước có tướng Đại Từ biểu thị cho 3 vị Phật là : Thích Ca Thế Giới Năng Tịch Như Lai, An Lạc Thế Giới Vô Ngại Quang Như Lai, Cà Sa Tràng Thế Giới Kim Cương Kiên Cố Hoan Hỷ Như Lai

3 mặt bên trái có tướng Đại Bi biểu thị cho 3 vị Phật là : Bất Thoái Chuyển Âm Thế Giới Cực Diệu Viên Mãn Hồng Liên Hoa Sở Thân Như Lai, Tuyệt Trần Thế Giới Pháp Tràng Như Lai, Minh Đăng Thế Giới Sư Tử Như Lai

3 mặt bên phải có tướng lộ nanh trắng biểu thị cho 3 vị Phật là : Trang Nghiêm Thế Giới Nhất Thiết Phật Thông Tuệ Quang Vương Như Lai, Kích Luân Thế Giới Minh Giác Như Lai, Phổ Hiền Thế Giới Hiền Thủ Như Lai

1 mặt phía sau có tướng Bạo Tiểu biểu thị cho 1 vị Phật là : Nan Siêu Thế Giới Thân Phóng Pháp Quang Như Lai

1 mặt Phật trên đỉnh biểu thị cho 1 vị Phật là : Diệu Quang Thế Giới Biến Chiếu Như Lai

## CHÂN NGÔN CỦA THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI

Chân Ngôn của Thập Nhất Diện Quán Tự Tại có 2 loại là Đại Chú và Tiểu Chú . Tùy theo sự truyền thừa mà có nhiều sự ghi nhận khác nhau.

\_ **ĐẠI CHÚ :**

. ) Đức Dalai Lama đời thứ 7 ghi nhận là :

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA JÑÀNA SÀGARA VAIROCHANA VYÙHA RÀJÀYA

TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYAḤ ARHATEBHEYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITESHVARÀYA BODHISATTVÀYA MAHÀSATTVÀYA  
MAHÀKÀRUṆIKÀYA

TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA , DHIRI DHIRI , DHURU DHURU , ITTI VATTI ,  
CHALE CHALE , PRACHALE PRACHALE , KUSUME KUSUMA VARE , ILI MILI, JITI  
JVALAM ÀPANÀYA ( Bản khác ghi là : CITI JVALAM APANAYE ) \_ SVÀHÀ

. ) Đức Phật Sống Tây Khang NẶC NA ghi nhận là :

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMO BHAGAVATE MAHÀ KÀRUṆIKÀYA VAJRASÀRA PRAMARBHAṆI  
TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, INTE VANTE  
, CALE CALE, PRACALE PRACALE, SARVA KLE'SA , SARVA KARMA, ÀVARAṆANI,  
'SUDDHE 'SUDDHE, VI'SUDDHE VI'SUDDHE , GAGANA SVABHÀVA VI'SUDDHE \_  
SVÀHÀ

. ) Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Mật Ngôn Niệm Tụng Nghi Quỹ Kinh, Quyển  
Thượng ghi nhận là :

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA JÑÀNA SÀGRA VAIROCANA BHYÙHA RÀJAYA  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYU ARHATEBHYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀSATVÀYA  
MAHÀKÀRUṆIKÀYA

TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, ITE VATE,  
'SALE 'SALE, PRA'SALE PRA'SALA, KUSUME KUSUMA VALE, IRI, VIRI, CIRI CIRI,  
TIJARAM APANAYA PARAMA'SUDDHASATVA, MAHÀKÀRUṆIKA \_ SVÀHÀ

. ) Phật Thuyết Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Kinh ghi nhận là :

NAMO BUDDHÀYA

NAMO DHARMÀYA

NAMO SAṄGHÀYA

NAMO JÑÀNA SÀGARA VAIROCANÀYA TATHÀGATÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀSATVÀYA  
MAHÀKÀRUṆIKÀYA

TADYATHÀ : OM , DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, ITI VATI,  
CALE CALE, PRACALE PRACALE, KUSUME KUSUMA VALE , IRI MIRI CIRI CITI  
JVALAM ÀPANÀYA, BODHISATVA MAHÀKÀRUṆIKA \_ SVÀHÀ

. ) Thập Nhất Diện Thần Chú Kinh ghi nhận là :

Kính lễ Tam Bảo

Kính lễ Thánh Trí Hải Biến Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai

Kính lễ tất cả Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác

Kính lễ Bạc có tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, ITI VATI,  
CALE CALE, PRACALE PRACALE , KUSUME KUSUMA VARE, IRI , MIRI, CIRI CIRI,

TIJARAM ÀPANÀYA, ‘SUDDHASATVA MAHÀKÀRUNIKA \_ SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 26 ghi nhận Đại Chú là :

TADYATHÀ : OM \_ DARA DARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, ITE VATE, ‘SALE ‘SALE, PRA’SALÉ PRA’SALÉ. KUSUME KUSUMA VALE, IRI , VIRI, CIRI CIRI, TIJARAM APANAYA , PARI’SUTHÀSATVA , MAHÀKARUNIGHA \_ SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 142 ghi nhận Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Mật Ngôn là :

NAMO RATNATRAYÀYA  
NAMAḤ ÀRYA JÑÀNA SÀGRA VAIROCANA BHYUA RÀJAYA TATHÀGATÀYA  
ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA  
NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYO ARHATEBHYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE’SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀSATVÀYA  
MAHÀKARUNIKÀYA

TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, BURU BURU, ITE VATE, ‘SALE ‘SALE, PRA’SALÉ PRA’SALÉ, KUSUME KUSUMA VALE, IRI, MIRI, CIRI CIRI, TIJARAM APANAYA , PARAMA’SUDDHASVATVA, MAHÀKÀRUNIKA , SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 186 ghi nhận là :

( Quy mệnh như trên )

OM \_ DARA DARA, DHIRI DHIRI, DHURÙ DHURÙ , ITE VATE, ‘SALE ‘SALE, PRA’SALÉ PRA’SALÉ, KUSUME KUSUMA VALE, IRI, VIRI, CIRI CIRI, JARAM APANAYA, RAMA ‘SUDDHASADVA, MAHÀKARUNIGHA \_ SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 4 , trang 430 ghi nhận là :

( Quy mệnh như trên )

OM \_ DARA DARA, DHIRI DHIRI, DHÙRÙ DHÙRU, ITE VATE, ‘SALA ‘SALE, PRA’SALÉ PRA’SALÉ, KUSUME KUSUMA VALE, IRI, MIRI, CIRI CIRI, TIJARAM APANAYA, PARA’SUDDHA , MAHÀKARUNIGHA \_ SVÀHÀ

### \_ TIỂU CHÚ :

. ) Đồ Tượng Quyển 3 , trang 26 ghi nhận Tiểu Chú là :

OM \_ MAHÀ KARUNIGHA ( ? MAHÀ KÀRUNIKA : Bạc có Tâm Đại Bi ) \_ SVÀHÀ

Thế Gian lưu hành Tiểu Chú là :

OM \_ RUHE’SVARA (Thế lực tự tại) \_ SVÀHÀ

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 119 ghi nhận Tiểu Chú là :

OM ( Quy mệnh ) \_ RUHE JVALA ( Uy Thế Quang Diễm ) HRÌḤ ( Chủng tử của Liên Hoa Bộ ) \_ SVÀHÀ ( Quyết định thành tựu )

. ) Đồ Tượng Quyển 3, trang 186 ghi nhận Tiểu Chú là :

OM \_ MAHÀ KARUNIGHA \_ SVÀHÀ

Thế Gian lưu hành Tiểu Chú là :

OM \_ RUHE’SVARA ( Thế Lực Tự Tại ) HRÌḤ

. ) Đồ Tượng Quyển 4, trang 430 ghi nhận Tiểu Chú là :  
OM \_ ROKA'SVARA HRÌH \_ SVÀHÀ

. ) Phật Quang Đại Từ Điển Quyển 1, trang 324 ghi nhận Tiểu Chú là :

**Ấn, lỗ kế nhập phộc la, hột-li**

OM \_ LOKE'SVARA ( Thế Tự Tại , Tự tại trong Thế Gian ) HRÌH

Qua sự tìm hiểu trên, dựa vào nghĩa lý căn bản của Chân Ngôn, chúng ta có thể phục hồi được 3 bài Đại Chú và 2 bài Tiểu chú như sau:

### \_ Đại Chú 1 :

巧伏 先寒氛仲伏

NAMO RATNATRAYÀYA ( Quy Mệnh Tam Bảo )

巧休 玅搏鄒巧 州奇 因刎弋巧 育成全仄伏 凹卡丫出仲照包 屹谷溟后盍伏

NAMAḤ ÀRYA JÑANA SÀGARA VAIROCANA VYÙHA RÀJÀYA  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA (Kính lễ Thánh Trí Hải Biển Chiếu  
Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

巧休 屹楠凹卡丫包言挑照包言 屹谷溟后眨言

NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYAḤ ARHATEBHYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ (Kính lễ tất cả Như Lai Đẳng, Ứng Cúng Đẳng, Chính Đẳng  
Chính Giác Đẳng)

巧休 玅搜向匠丁包鄒全伏 回囚屹班伏 互扣屹班伏 互扣乙冰仗乙伏

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀSATVÀYA  
MAHÀKÀRUNIKÀYA (Kính lễ Bạc có Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát )

凹滄卡 較 叻先擰 囚共擰 鉞冰擰 秘凸 向凸 弋同擰 盲弋同擰 乃鉞伙 乃鉞互 向同  
秘印 亦印 元凸 詞匡交扔左伏 送扣

TADYATHÀ ( Như vậy ) OM ( Cảnh giác ) DHARA DHARA ( Gia trì cho ta và người )  
DHIRI DHIRI ( Người gia trì không kể nam nữ ) DHURU DHURU ( Lóe sáng ) ITI VATI ( Năng lực  
tự nhiên : Hư không, gió, mặt trời, mặt trăng... như vậy ) CALE CALE ( Lay động ) PRACALE  
PRACALE ( Lay động khắp ) KUSUME KUSUMA BALE ( Sức lực của bông hoa bên trong bông  
hoa ) ILI ( Che chở ủng hộ ) MILI ( Ngăn cản, chặn đứng ) JITI JVALAM ( Thâu nhiếp ánh sáng )  
ÀPANÀYA ( Xuất Tức Quán, Quán hơi thở ra vào ) SVÀHÀ ( Quyết định thành tựu )

### \_ Đại Chú 2

巧伏 先寒氛仲伏

NAMO RATNATRAYÀYA

巧休 玅搏鄒巧 州奇 因刎弋巧 育成全仄伏 凹卡丫出仲照包 屹谷溟后盍伏

NAMAḤ ÀRYA JÑANA SÀGARA VAIROCANA VYÙHA RÀJÀYA  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA

巧休 屹楠凹卡丫包言挑照包言 屹谷溟后眨言

NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYAḤ ARHATEBHYAḤ  
SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ

巧休 玅搜向匠丁包鄒全伏 回囚屹班伏 互扣屹班伏 互扣乙冰仗乙伏

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀSATVÀYA  
MAHÀKÀRUṆIKÀYA

凹滄卡 駭 叻先掙 囚共掙 鉞冰掙 秘凸 向凸 弋同掙 盲弋同掙 乃鉏伙 乃鉏互 向同  
才凸 詞匡交 扔左伏 秘共 亦共 才共 扔先互 圩益屹兹 互扣乙冰仗一 送扣

TADYATHÀ : OM \_ DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU. ITI VATI ,  
CALE CALE , PRACALE PRACALE , KUSUME KUSUMA BALE , CITI JVALAM (Hiểu biết  
lưu ý đến ánh sáng) ÀPANÀYA (Theo hơi thở ra vào) IRI (Che chở triệt để) MIRI (Ngăn cản chặn  
đứng) CIRI (Sự gây thương tích, giết chết) PARAMA'SUDDHASATVA MAHÀKÀRUṆIKA  
SVÀHÀ (Quyết định thành tựu **Bậc Chí Thượng Thanh Tịnh Hữu Tình có đầy đủ Tâm Đại Bi**)

### \_ Đại Chú 3:

巧伏 先寒氛仲伏

NAMO RATNATRAYÀYA ( Quy mệnh Tam Bảo )

巧伏 矛丫向包 互扣乙冰仗一 向忝州先 扔先互飲市 凹卡丫出仲照包 屹谷溟后盍伏

NAMO BHAGAVATE MAHÀKÀRUṆIKA VAJRASÀRA PARAMARTHANI  
TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA ( Quy mệnh Đức Thế Tôn Đại Bi Kiên  
Cố Tối Thắng Nghĩa Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác )

凹滄卡 駭 叻先掙 囚共掙 鉞冰掙 秘凸 向凸 弋同掙 盲弋同掙 屹楠姦在 屹楠一獲  
挑向先仕市 圩眨掙 合圩眨掙 丫丫巧 辱矢向 合圩眨 送扣

TADYATHÀ ( Như vậy ) OM ( Cảnh giác ) DHARA DHARA ( Gia trì cho ta và người ) DHIRI  
DHIRI ( Người trì Chú không kể nam nữ ) DHURU DHURU ( Lóa sáng, tỏa sáng ) ITI VATI ( Năng  
lực thiên nhiên như vậy ) CALE LALE ( Lay động ) PRACALE PRACALE ( Lay động khắp )  
SARVA KLE'SA ( Tất cả phiền não ) SARVA KARMA AVARAṆANI ( Tất cả chướng ngại của  
nghiệp ) 'SUDDHE 'SUDDHE ( Tinh lọc, thanh tịnh ) VI'SUDDHE VI'SUDDHE ( Khiến cho thanh  
tịnh, tinh lọc hoàn toàn ) GAGANA SVABHÀVA VI'SUDDHE ( Thanh tịnh như tự tính của hư  
không ) SVÀHÀ ( Quyết định thành tựu )

### \_ Tiểu Chú 1 :

駭 互扣乙冰仗一 送扣

OM ( Quy mệnh ) MAHÀ KÀRUṆIKA ( Bậc có Tâm Đại Bi ) SVÀHÀ ( Thành tựu cát  
tường )

### \_ Tiểu Chú 2 :

駭 吐了郎先 獠 送扣

OM ( Quy mệnh ) LOKE'SVARA ( Đấng Thế Tự Tại ) HRÌḤ ( Chủng tử Thanh Tịnh của Liên  
Hoa Bộ ) SVÀHÀ ( Thành tựu tốt lành )

Ngoài ra để tăng cường cho lực gia trì của Chân Ngôn , các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã truyền  
dạy thêm các bài tán Quy Mệnh là :

### \_ Giác Thiên Sao ghi nhận Thập Nhất Diện Quán Âm Hối Quá Tán là :

Nam mô Đương Tiền tam diện Từ Bi Tướng

Nam Mô Tiền tam Từ Diện Cầu Như Ý

Nam mô Tiền Tam Bi Diện Trừ Quỷ Tật



Nam mô Tả biên tam điện Sân Nộ Tướng  
Nam mô Tả tam điện Giáng Oán Tặc  
Nam mô Hữu biên tam điện Bạch Nha Tướng  
Nam mô đương hậu nhất điện Bạo Tiểu Tướng  
Nam mô Đỉnh thượng nhất điện Như Lai Tướng  
Nam mô đỉnh thượng Phật Điện trừ tật bệnh  
Nam mô tối thượng Phật Điện nguyện mãn túc

\_ **Phòng Sao** ghi nhận là :

Nam mô Tả biên hậu điện tồ Ma Đạo  
Nam mô trung điện ly khổ nạn  
Nam mô tiền điện trừ Quỷ tật  
Nam mô Hữu biên tiền điện cầu Như Ý  
Nam mô trung điện Cửu Nộ ( Giận dữ lâu dài )  
Nam mô hậu điện trừ chướng nạn  
Nam mô Kiếp Độ Tiền  
Nam mô Tả biên hữu điện trừ Quỷ Thần  
Nam mô trung điện Điều Phong Vũ  
Nam mô Tả điện tăng thọ mệnh  
Nam mô Hậu biên nhất điện thành ngũ cốc  
Nam mô đỉnh thượng nhất điện phá Ma Quân

Mùa Đông năm Bính Tuất (2006)  
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

Webmaster: [quangduc@tpg.com.au](mailto:quangduc@tpg.com.au)

**Trở về Thư Mục Mật Tông**

**Biên tập nội dung: Tỳ kheo Thích Nguyên Tạng**

Xin gửi bài mới và ý kiến đóng góp đến ban biên tập qua địa chỉ: [quangduc@tpg.com.au](mailto:quangduc@tpg.com.au)  
Ghi rõ nguồn "**Trang nhà Quảng Đức**" khi bạn phát hành lại thông tin từ website này.